TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

2. Bà Huỳnh Thị Thể Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký viên Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức:*** Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 474/2022/TLST- HNGĐ, ngày 29/11/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tổ 9, ấp Hiệp H, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp Bình Q1, xã Bình TĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải không được anh Trần Văn K có lời trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị trước đây do cha, mẹ mai mối và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang theo quy định vào năm 2006. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: vợ chồng bất

đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, chị T không lo làm ăn và quan tâm đến gia đình, cứ gởi tiền về nhà cho mẹ ruột để cho vay nên vợ chồng cứ cự cãi nhau liên quan đến tài chính của gia đình nên đã bỏ đi sống nơi khác không về nhà nữa từ năm 2008 cho đến nay; sau đó đến năm 2011 chị T chuyển hộ khẩu về ấp Bình Q, xã Bình TĐ, huyện PT, tỉnh An Giang sống cùng với 02 người con chung; hiện nay anh cảm thấy thời gian dài ly thân không còn tình cảm gì nữa, không thể chung sống với nhau nên từ đó cho đến nay anh không còn sống chúng với chị T nữa anh cương quyết xin ly hôn với chị T.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trần Công M, sinh ngày 22/02/2001 đã có lập gia đình sống riêng không yêu cầu giải quyết và Trần Công D, sinh ngày 01/12/2007 hiện đang sống với chị T. Anh K đồng ý giao 01 người con chung tên Trần Công D cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến thành niên hoặc tự lập được và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000 đồng/01tháng đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: anh khai tự thoả thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Bị đơn chị Võ Thị Thanh T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Võ Thị Thanh T được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Võ Thị Thanh T vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị T và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân thời gian rất dài không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của ông Võ Văn Đ là cha ruột của chị T nên yêu cầu của anh K về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung 02 người con chung tên Trần Công M, sinh ngày 22/02/2001 đã có lập gia đình sống riêng không yêu cầu giải quyết và Trần Công D, sinh ngày 01/12/2007 hiện đang sống với chị T cần ổn định cuộc sống cho cháu D và phù hợp với nguyện vọng của cháu D nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo sự tự nguyện của anh K và ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ cho đến thành niên hoặc tự lập được. Anh K chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Văn K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp Bình Q1, xã Bình TĐ, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Võ Thị Thanh T được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị T vẫn vắng mặt tại phiên tòa; anh K có đơn đề nghị vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K và chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Võ Thị Thanh T có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 38/2006, ngày 12/4/2006 do UBND xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 1999 trên cơ sở mai mối với nhau tiến tới hôn nhân, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, lý do thường xuyên cự cãi nhau về đời sống hằng ngày; bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình; liên quan đến tài chính của gia đình nên chị T đã bỏ đi sống nơi khác không về nhà nữa từ năm 2008 cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của anh K phía chị T biết nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này, cũng phù hợp với xác nhận của ông Võ Văn Đ là cha ruột của chị T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Trần Văn K xác nhận có 02 người con chung tên Trần Công M, sinh ngày 22/02/2001 đã có lập gia đình sống riêng không yêu cầu giải quyết và Trần Công D, sinh ngày 01/12/2007 hiện đang sống với chị T. Anh Trần Văn K đồng ý giao con chung tên Trần Công D cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000đồng. Từ khi ly thân cho đến nay cháu D chung sống với chị T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác; chị T cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của chị T là đảm bảo theo xác nhận của ông Võ Văn Đ là cha ruột của chị T, cần giữ ổn định cuộc sống cho cháu D và phù hợp với nguyện vọng của cháu D là nguyện vọng sống với chị T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu anh

K tự nguyện giao cho chị T nuôi dưỡng 01 người con chung đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: anh Trần Văn K khai tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: anh Trần Văn K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: anh Trần Văn K và chị Võ Thị Thanh T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn K đối với chị Võ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Văn K được ly hôn với chị Võ Thị Thanh T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao người con chung tên Trần Công D, sinh ngày 01/12/2007 cho chị Võ Thị Thanh T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được. Anh Trần Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Công D hằng tháng là 1.000.000 đồng đến thành niên hoặc tự lập được, thời gian thực hiện nghĩa vụ hằng tháng lần đầu vào ngày 25/5/2023.

2.2 Chị Võ Thị Thanh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Trần Văn K đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Anh Trần Văn K phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000đồng, tổng cộng số tiền án phí là 600.000đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do anh Trần Văn K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005824, ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang, còn lại số tiền 300.000 đồng anh Trần Văn K phải tiếp tục nộp.

3.2 Chị Võ Thị Thanh T không phải chịu án phí.

Anh Trần Văn K và chị Võ Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thành Thuận